TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1231/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29-11-2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Thế Đông

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Bông Hường

Ông Võ Ngọc Đúng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An Thành – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thúy Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 536/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 274/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị H, sinh năm 198x; địa chỉ: Số M đường N, phường O, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Trần Quốc T, sinh năm 198x; địa chỉ: Số M đường N, phường O, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Phan Thị H trình bày: Bà và ông Trần Quốc T tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố P, tỉnh N vào năm 2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc trong thời gian đầu nhưng đến năm thứ ba thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, về kinh tế, nuôi dạy con cái. Từ đó, hai người thường xuyên tranh cãi, thậm chí có vài lần xô xát. Nhưng với suy nghĩ vì con, vì gia đình và sự động viên của hai bên gia đình nội ngoại, vợ chồng đã nhiều lần cùng nhau tìm hướng giải quyết nhưng không khắc phục được những mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm gia đình. Mâu thuẫn trong gia đình ngày càng trầm trọng, không những làm hai người vô cùng mệt mỏi, đau khổ mà còn ảnh hưởng đến sự phát triển, tâm lý của con. Mỗi người giờ đã có cuộc sống

riêng, thu nhập của ai người đó dùng, không còn quan tâm, lo lắng, chăm sóc lẫn nhau. Bà đã hai lần nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng vì nghĩ cho con nên đã tự nguyện rút đơn. Nhưng đến nay, bà nhận thấy cuộc sống chung của vợ chồng không thể cải thiện, tình cảm vợ chồng đã hết, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Do đó, bà yêu cầu được ly hôn với ông T để cả hai người ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà và ông T có một con chung là Trần A T, sinh ngày --/--/2014. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Bà và ông T tự thỏa thuận. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Trần Quốc T không có lời khai, không giao nộp tài liệu, chứng cứ, vắng mặt khi Tòa án triệu tập làm việc, hòa giải và xét xử.

Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được vì ông T đã được Tòa án triệu hợp lệ lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/11/2019, bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Bà Phan Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với ông Trần Quốc T; theo kết quả xác minh ngày 26/9/2019 của Công an phường O, quận Tân Phú thì bị đơn đang cư trú tại đại chỉ: Số M đường N, phường O, quận Tân Phú. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục: Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, ông T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự và Giấy chứng nhận kết hôn Số 111, Quyển số I/2012, đăng ký ngày 30/10/2012 tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố P, tỉnh N thì có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T là hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu ly hôn: Căn cứ vào lời khai của bà H và Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 338/2018/QĐST-HNGĐ ngày 17/4/2018 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú thì Hội đồng xét xử nhận thấy vợ chồng bà H và ông T phát sinh mâu thuẫn đã lâu không thể hàn tự gắn được, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, bà H

đã nộp đơn xin ly hôn vào tháng 10 năm 2017 sau đó rút đơn khởi kiện. Bà H cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do hai người có nhiều bất đồng trong cuộc sống, vợ chồng đã có cuộc sống riêng, độc lập về tài chính, không còn yêu thương, chăm sóc, quan tâm lẫn nhau. Bị đơn là ông T vắng mặt khi được triệu tập làm việc, hòa giải, cũng như tại phiên tòa. Qua đó, Hội đồng xét xử nhận thấy ông T thể hiện thái độ bỏ mặc kết quả giải quyết của Tòa án, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Theo kết quả xác minh mâu thuẫn gia đình của Hội liên hiệp phụ nữ phường O, quận Tân Phú tại Công văn số 106/TA-Q.TP ngày 22/9/2019 có nội dung như sau: Quá trình chung sống giữa vợ chồng bà H và ông T có mâu thuẫn nhưng không gây ảnh hưởng đến mọi người xung quanh. Ông T và Bà H không nhờ chính quyền địa phương can thiệp nên không biết được tình hình mâu thuẫn. Như vậy, kết quả xác minh mâu thuẫn gia đình của Hội liên hiệp phụ nữ phường O, quận Tân Phú là phù hợp một phần với lời khai của bà H. Từ những nhận định vừa nêu, xét thấy tình trạng hôn nhân của bà H và ông T đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Bà H xác định vợ chồng có một con chung là Trần A T, sinh ngày --/--/2014. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi con; ông T không có ý kiến tại Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi. Ghi nhận sự tự nguyện của bà H về việc không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con.

[6] Về tài sản: Bà H, ông T không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng do nguyên đơn là bà H chịu.

[8] Các kiến nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điều 36, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 2 Điều 227 và Điều 228, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 57, 58, 59, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Phan Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị H được ly hôn với Ông Trần Quốc T.

2. Về con chung: Bà H và ông T có một con chung là Trần A T, sinh ngày --/--/2014. Khi ly hôn, giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà H về việc không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

3. Về tài sản chung: Bà H, ông T không có yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng do bà H chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012181 ngày 11/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí.

5. Bà H, ông T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.Tân Phú;
- THADS Q.Tân Phú;
- UBND X.X, TP. P, T.N;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký tên và đóng dấu)

Đỗ Thế Đông